

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2022/QĐ-UBND

Long An, ngày 19 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23/11/2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X kỳ họp thứ Năm về việc quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại tờ trình số 706/TTr-SYT ngày 08/4/2022; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 706/STP-XDKTVB ngày 08/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Triển khai thực hiện Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An, như sau:

## 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Long An (trừ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế).

## 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán Quỹ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## 3. Giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2

Quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Y tế chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/4/2022.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Y tế;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử của tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Phòng VHXH;
- Lưu: VT, Thy. (3)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Tấn Hòa

19/4

**Phụ lục**  
**MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-CoV-2**  
(Kèm theo Quyết định số 20 /2022/QĐ-UBND ngày 19 / 4 /2022 của UBND tỉnh Long An)

*Đvt: đồng*

TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá	
		Mức giá (chưa gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm
I	Xét nghiệm SAR-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn	11.200	64.200
II	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm:	164.800	
1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	45.400	
2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	119.400	
3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		453.900
III	Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp		
1	Trường hợp gộp <= 5 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)	62.400	
1.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	24.100	
1.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	38.300	
1.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
1.3.1	Trường hợp gộp 2 que		206.900
1.3.2	Trường hợp gộp 3 que		158.700
1.3.3	Trường hợp gộp 4 que		134.600
1.3.4	Trường hợp gộp 5 que		120.200

TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá	
		Mức giá (chưa gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm
<b>2</b>	<b>Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)</b>	<b>48.100</b>	
2.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	23.300	
2.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	24.800	
2.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
2.3.1	Trường hợp gộp 6 que		96.200
2.3.2	Trường hợp gộp 7 que		89.400
2.3.3	Trường hợp gộp 8 que		84.200
2.3.4	Trường hợp gộp 9 que		80.200
2.3.5	Trường hợp gộp 10 que		77.000
<b>3</b>	<b>Trường hợp gộp <math>\leq 5</math> mẫu tại phòng xét nghiệm</b>	<b>95.900</b>	
3.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	48.000	
3.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	47.900	
3.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
3.3.1	Trường hợp gộp 2 mẫu		240.400
3.3.2	Trường hợp gộp 3 mẫu		192.200
3.3.3	Trường hợp gộp 4 mẫu		168.100
3.3.4	Trường hợp gộp 5 mẫu		153.700
<b>4</b>	<b>Trường hợp gộp 6 -10 mẫu tại phòng xét nghiệm</b>	<b>81.100</b>	

TT	Danh mục dịch vụ	Mức giá	
		Mức giá (chưa gồm sinh phẩm xét nghiệm)	Mức giá tối đa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm
4.1	Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm	47.300	
4.2	Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả	33.800	
4.3	Tổng mức thanh toán chi phí dịch vụ xét nghiệm bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm phản ứng		
4.3.1	Trường hợp gộp 6 mẫu		129.200
4.3.2	Trường hợp gộp 7 mẫu		122.400
4.3.3	Trường hợp gộp 8 mẫu		117.200
4.3.4	Trường hợp gộp 9 mẫu		113.200
4.3.5	Trường hợp gộp 10 mẫu		110.000